

NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

Cha mẹ cho con chưa đủ tuổi chạy xe gây tai nạn có ở tù không?

1. Điều kiện độ tuổi của người tham gia giao thông

Luật Giao thông đường bộ hiện hành quy định độ tuổi cụ thể khi lái xe như sau:

- Người đủ 16 tuổi trở lên được lái xe gắn máy có dung tích xi-lanh dưới 50 cm³;
- Người đủ 18 tuổi trở lên được lái xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ trở lên và các loại xe có kết cấu tương tự; xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg; xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi;
- Người đủ 21 tuổi trở lên được lái xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên; lái xe hạng B2 kéo rơ moóc;
- Người đủ 24 tuổi trở lên được lái xe ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi; lái xe hạng C kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc;
- Người đủ 27 tuổi trở lên được lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi; lái xe hạng D kéo rơ moóc;



CSPL: khoản 1 Điều 60 Luật Giao thông đường bộ 2008.

2. Hành vi cha mẹ giao xe cho con chưa có giấy phép có bị xử lý không?

Mặc dù pháp luật về an toàn giao thông cũng đã quy định rõ các điều kiện về độ tuổi dành cho người tham gia giao thông.

Tuy nhiên, các bạn học sinh ở độ tuổi dưới quy định lại thường xuyên sử dụng xe máy là phương tiện di chuyển khi đi học, đến trường hay đi chơi. Dạo gần đây, có rất nhiều vụ tai nạn giao thông phần lớn rơi vào trường hợp người lái xe chưa đủ tuổi tham gia giao thông hay người tham gia giao thông chưa có giấy phép lái xe.

Điều này càng cho thấy sự thiếu sót trong quản lý con em của các bậc phụ huynh. Mặc dù người gây tai nạn là chính các bạn



nhưng đối với các bậc phụ huynh cũng có phần lỗi khi thiếu giám sát.

Căn cứ theo quy định tại Điều 8 Luật Giao thông đường bộ 2008 về các hành vi bị nghiêm cấm, trong đó quy định tại khoản 9, 10:

- Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.
- Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ.

Do đó, khi người tham gia giao thông chưa đủ tuổi hay chưa có giấy phép lái xe gây tai nạn cho người khác thì chính người lái xe và cả người giao xe cho người chưa đủ điều kiện đều có hành vi vi phạm pháp luật.

3. Trách nhiệm của người giao xe khi người lái xe chưa đủ tuổi gây tai nạn

Xử phạt hành chính

Hành vi giao xe hoặc để cho người chưa đủ điều kiện theo quy định của Luật Giao thông đường bộ 2008 điều khiển tham gia giao thông thì mức phạt hành chính đối với người giao xe (chủ xe) là:

- Từ 800.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân là chủ xe mô tô, xe gắn máy và;
- Từ 1.600.000 đồng đến 4.000.000 đồng với tổ chức là chủ xe mô tô, xe gắn máy.

CSPL: khoản 5 Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm dân sự



Trường hợp người lái xe chưa đủ tuổi tham gia giao thông gây tai nạn cho người khác. Lúc này, người điều khiển phương tiện giao thông phải thực hiện bồi thường thiệt hại đối với người bị và gia đình của họ.

Đối với trường hợp người chưa đủ tuổi lái xe gây tai nạn thì nguyên tắc bồi thường thiệt hại như sau:

Người chưa đủ 15 tuổi gây thiệt hại mà còn cha, mẹ thì cha, mẹ có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại. Nếu tài sản của cha, mẹ không đủ để bồi thường mà người gây thiệt hại có tài sản riêng thì lấy tài sản đó để bồi thường phần còn thiếu.

Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình. Nếu bồi thường không đủ thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

CSPL: Khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự 2015

5. Vi phạm hình sự

Hành vi giao phương tiện giao thông cho người khác mà biết rõ người đó không chưa đủ tuổi tham gia giao thông hay chưa đủ điều kiện lái xe khi thuộc vào một trong các trường hợp sau thì hành vi đó sẽ cấu thành Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

CSPL: Điều 264 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

- Làm chết người;
- Gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
- Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 121%;
- Gây thiệt hại tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Đối với tội danh này, khung hình phạt nhẹ nhất có thể:

- Bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc;
- Phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc;
- Bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

